

Bản án số: 81/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 5 - 2019
V/v anh N xin ly hôn chị Th

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng

2. Ông Đàm Văn Kiều

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Tuấn Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019. Về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N - Sinh năm 1989

Địa chỉ: Đội 7 xóm 50, xã N, huyện N, tỉnh N.

+ Bị đơn: Chị Lộc Thị Th - Sinh năm 1987

Nơi ĐKKHKT: Đội 7 xóm 50, xã N, huyện N, tỉnh N.

Địa chỉ: Không có địa chỉ.

Tại phiên tòa có mặt anh N, vắng mặt chị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 09/7/2018 cũng như lời khai của anh Nguyễn Văn N trong quá trình giải quyết trình bày: Anh kết hôn với chị Lộc Thị Th vào tháng 5/2012 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N. Sau khi kết hôn anh và chị Th chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu

Thuần, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi chửi nhau. Từ tháng 02/2016 đến nay chị Th bỏ nhà, đi khỏi địa phương và cắt đứt mọi liên lạc với anh cũng như mọi người trong gia đình. Anh và gia đình đã nhiều lần đi tìm kiếm nhưng không có tin tức địa chỉ của chị Th. Anh đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Th mất tích và ngày 18/02/2019 Tòa án nhân dân huyện N đã tuyên bố chị Lộc Thị Th, mất tích. Từ khi Tòa án tuyên bố chị Th mất tích đến nay vẫn không có tin tức của chị Th. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Th không còn nên chị xin anh được ly hôn chị Th. Về con chung giữa anh và chị Lộc Thị Th có một con chung là Nguyễn Thành N sinh ngày 20 tháng 4 năm 2013, hiện đang do anh nuôi dưỡng. Nay anh xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nam và không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Về tài sản chung giữa anh và chị Lộc Thị Th thì anh không yêu cầu giải quyết. Về án phí anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng: qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm Phán thụ lý giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn N và chị Lộc Thị Th. Về con chung: giao cháu Nguyễn Thành N sinh ngày 20/4/2013 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N. Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị buộc anh N phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn N cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh N và chị Lộc Thị Th nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích ở xã N, huyện N, tỉnh N. Nay anh Nguyễn Văn N có đơn xin ly hôn chị Lộc Thị Th và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Anh Nguyễn Văn N và chị Lộc Thị Th được tổ chức kết hôn vào tháng 5/2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh N và chị Th chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không hợp tính nhau dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau. Từ tháng 02/2016 đến nay chị Th bỏ đi khỏi địa phương và cắt đứt mọi liên lạc với anh N cũng như mọi người trong gia đình. Anh N đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Lộc Thị Th mất tích và ngày 18/02/2019 Tòa án nhân dân huyện N đã tuyên bố chị Lộc Thị Th, mất tích. Từ khi Tòa án tuyên bố chị Lộc Thị Th mất tích đến nay vẫn không có tin tức, địa chỉ của chị Th. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị Th đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân đã tan vỡ, nay anh N xin được ly hôn chị Th nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn N và chị Lộc Thị Th có một con chung là Nguyễn Thành N sinh ngày 20/4/2013, hiện đang do anh N nuôi dưỡng. Phía chị Th đã bị tuyên bố mất tích do vậy tiếp tục giao cháu Nam cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, việc cấp dưỡng nuôi con chưa đặt ra xem xét giải quyết, khi nào chị Th trở về hoặc có địa chỉ của chị Th và anh N có đơn yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Anh Nguyễn Văn N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung giữa anh và chị Lộc Thị Th nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn N phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn N và chị Lộc Thị Th.

2- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành N sinh ngày 20/4/2013 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng (anh Nguyễn Văn N đang quản lý nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành N). Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3- Án phí dân sự sơ thẩm anh Nguyễn Văn N phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh Nguyễn Văn N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số BB/2012/06145 ngày 05/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Anh Nguyễn Văn N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh N, vắng mặt chị Th. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND H N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Văn Rạng

Đàm Văn Kiều

Trần Xuân Dũng